

Bản án số: 143/2022/DS-PT
Ngày: 29-7-2022
V/v Tranh chấp
hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2022/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964; cư trú tại: tổ 3 ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà R: Anh Dương Đức K, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2022); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1969; có mặt.

Chị Lê Thị Phương K, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: số nhà x, tổ xx, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị R, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà làm chủ hụi, chị Lê Thị Phương K có tham gia góp hụi cụ thể như sau:

Chị K tham gia 03 dây hụi, khai cùng ngày 16-12-2020 âm lịch (DL là 28/01/2021) hụi 3.000.000 đồng/tháng, mỗi dây gồm có 13 phần, mỗi dây hụi chị K tham gia 01 phần. Chị K hốt hụi đầu tiên cả 03 phần được số tiền 69.480.000 đồng, khi hốt hụi chị K có ký tên người nhận tiền vào 03 giấy mượn tiền hụi, bà Th ký tên và ghi bảo lãnh. Sau khi hốt hụi chị K đóng hụi chết được 01 tháng số tiền 9.000.000 đồng thì ngưng đóng hụi cho đến nay, bà phải đóng choàng tiền hụi cho đến mãn hụi. Nay bà yêu cầu chị K và bà Th trả tiền hụi là 99.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ bà Th, chị K nhiều lần nhưng bà Th, chị K không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng bà Th, chị K vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với chị Lê Thị Phương K.

Buộc chị K có trách nhiệm trả cho bà R số tiền nợ hụi là 99.000.000 đồng. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R buộc bà Th cùng trả nợ.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14-4-2022, bà Nguyễn Thị R có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Th và chị K cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 99.000.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Dương Đức K trình bày: Bà R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Th và chị K cùng có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền 99.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày: Bà thừa nhận con bà là chị Lê Thị Phương K có góp hụi do bà R làm chủ hụi, chị K có đưa giấy mượn tiền hụi cho bà ký tên, bà có ký tên ghi họ tên vào 01 giấy mượn tiền hụi (dây 3) nên chỉ

đồng ý cùng chịu trách nhiệm với con là chị K trả tiền 01 giấy nợ mà bà có ký tên, ghi họ và tên; khoản nợ còn lại chị K chịu trách nhiệm trả vì bà không có ký bảo lãnh nợ cho con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị R về yêu cầu buộc bà Th có trách nhiệm liên đới cùng chị K trả tiền nợ hụi 99.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Phương K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa; bà Nguyễn Thị R vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị R và người đại diện theo ủy quyền của bà R vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có đơn xin vắng mặt. Ngày 05/4/2022 Tòa án cấp sơ thẩm giao bản án cho bà R (do người đại diện theo ủy quyền nhận). Ngày 14-4-2022 bà Nguyễn Thị R có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí. Kháng cáo còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị R yêu cầu bà Th liên đới cùng chị K trả cho bà số tiền 99.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà R khởi kiện yêu cầu bà Th và chị K trả số tiền nợ hụi 99.000.000 đồng theo 03 giấy mượn tiền hụi cùng ngày 16/12/2020 (các bút lục số 28, 30,32) và cung cấp 03 giấy mượn tiền hụi cho Tòa án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc chị K có trách nhiệm trả cho bà R số tiền 99.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà R buộc bà Th cùng trả nợ nên bà R có đơn kháng cáo.

Bà R cho rằng bà Th có ký tên, ghi tên vào 03 giấy mượn tiền hụi cùng ngày 16/12/2020 và ghi bảo lãnh nợ cho chị K nên bà mới đồng ý cho chị K hốt

3 phần hối; bà Th không thừa nhận cho rằng bà chỉ ký tên, ghi họ và tên vào 01 giấy mượn tiền hối (dây 3) do con bà chị K đưa bà ký, hàng chữ “*tôi mẹ K bảo lãnh K*” không phải là chữ viết của bà; không thừa nhận chữ ký, tên trong hai giấy mượn tiền hối dây 1 và dây 2 vì không phải do bà ký. Bà R không có chứng cứ chứng minh việc bà Th ký bảo lãnh nợ cho chị K, không có chứng cứ chứng minh chữ ký, tên trong giấy mượn tiền hối dây 1, dây 2 (các bút lục số 32, 30) là do bà Th ký tên nên không có căn cứ chấp nhận buộc bà Th liên đới chịu trách nhiệm với chị K trả nợ cho bà 99.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Th thừa nhận bà có ký tên, ghi họ và tên vào 01 giấy mượn tiền hối (dây 3) nên chỉ đồng ý chịu trách nhiệm cùng chị K trả tiền đối với 01 giấy nợ này. Theo giấy mượn tiền hối (dây 3) số tiền hót hối là 24.000.000 đồng, phải đóng hối chết lại là 3.000.000 đồng/tháng đến mãn hối vào ngày 16/12/2021 AL. Vì vậy, có căn cứ buộc bà Th có trách nhiệm liên đới cùng chị K trả nợ cho bà R theo giấy nợ này với số tiền hối phải đóng là 33.000.000 đồng.

[4] Có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà R, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà Th có trách nhiệm liên đới cùng chị K trả cho bà R số tiền là 33.000.000 đồng theo giấy mượn tiền hối ngày 16/12/2020 (dây 3); buộc chị K có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ còn lại là 66.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên cần xác định lại án phí đương sự phải chịu như sau: Chị K và bà Th liên đới phải chịu 1.650.000 đồng đối với số nợ phải trả 33.000.000 đồng; chị K phải chịu 3.300.000 đồng đối với số nợ phải trả 66.000.000 đồng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Bà R kháng cáo được chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 13, 16, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hối, biểu, phường; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị R.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Nguyễn Thị Hồng Th, chị Lê Thị Phương K.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Th có trách nhiệm liên đới cùng chị Lê Thị Phương K trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền nợ hụi là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

Buộc chị Lê Thị Phương K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền nợ hụi là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng Th và chị Lê Thị Phương K không thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà Th, chị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th và chị Lê Thị Phương K phải chịu 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Lê Thị Phương K phải chịu 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị R không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà R tiền tạm ứng án phí số tiền 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và số tiền 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng do chị Nguyễn Thị Thúy An nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0007445 ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Biên lai thu số 0016934 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà R tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do anh Dương Đức K nộp thay theo biên lai thu số 0017303 ngày 15-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Châu Thành;
- CCTHADS h. Châu Thành;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyên